

FDI TỪ ASEAN VÀO NGÀNH DỊCH VỤ VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN HỒNG HẠNH*

Tóm tắt: Kể từ dự án đầu tiên năm 1988 đến nay, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các nước ASEAN vào Việt Nam, đặc biệt trong ngành dịch vụ, đã chứng kiến sự gia tăng vượt bậc. Dịch vụ cũng đang là ngành nhận được dòng vốn FDI nội khối lớn nhất nhờ các thoả thuận mở cửa thị trường dịch vụ của khu vực và các nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam. Tuy nhiên, mặc dù đã đạt được một số thành tựu nhất định trong việc thu hút FDI từ ASEAN vào lĩnh vực này, kết quả đầu tư được coi là vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hợp tác của Việt Nam và các nước thành viên, đặc biệt là sau khi Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) chính thức được thành lập vào cuối năm 2015. Bài viết trình bày thực trạng FDI của ASEAN vào ngành dịch vụ Việt Nam, phân tích các đặc điểm và từ đó đặt ra một số vấn đề cho Việt Nam trong việc thu hút dòng vốn FDI nội khối này.

Từ khoá: FDI, dịch vụ, ASEAN, Việt Nam

1. Mở đầu

Xu hướng đầu tư nội khối giữa các nước ASEAN trong bối cảnh hình thành AEC ngày càng trở nên rõ nét và quan trọng đối với từng quốc gia thành viên. Đối với Việt Nam, cùng với xuất khẩu, FDI đang là động lực của tăng trưởng kinh tế. Vì thế việc gia tăng đầu tư nội khối giữa các nước ASEAN nói chung và từ ASEAN vào Việt Nam nói riêng có vai trò then chốt trong tiến trình thu hút FDI, phục vụ cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Một trong những điểm nhấn quan trọng của Việt Nam trong những năm gần đây là sự gia tăng đầu tư của các nước khối ASEAN, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Cùng chung với xu hướng toàn cầu, dịch vụ là lĩnh vực nhận được FDI lớn nhất từ ASEAN với hơn 60% số dự án và hơn 40% tổng lượng vốn đầu tư (luỹ kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019) nhờ có các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ vốn còn nhiều rào cản và những cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực này của Việt Nam⁽¹⁾.

* Nguyễn Hồng Hạnh - Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Đại học Ngoại Thương

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc thu hút FDI nói chung và FDI vào ngành dịch vụ nói riêng từ ASEAN, những kết quả này vẫn được đánh giá là chưa tương xứng với tiềm năng hợp tác của Việt Nam với các quốc gia trong khu vực. Mặc dù sau khi AEC được hình thành, số lượng các dự án FDI có tăng nhưng chưa có sự đột biến.

2. Thực trạng FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ Việt Nam

2.1. Tổng quan về FDI từ ASEAN vào Việt Nam trong ngành dịch vụ

Xu thế FDI từ ASEAN vào Việt Nam cũng phù hợp với xu thế FDI nói chung vào Việt Nam. Sau khi Luật đầu tư nước ngoài 1987 chính thức có hiệu lực, các làn sóng FDI liên tiếp đổ vào Việt Nam. Làn sóng FDI thứ nhất vào Việt Nam được đánh dấu với sự bùng nổ khởi nguồn năm 1990, tuy nhiên đã chững lại vào giai đoạn 1998 - 2004 do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực. Làn sóng thứ hai bắt đầu năm 2005, FDI liên tục ở mức cao, đạt đỉnh vào giai đoạn 2007 - 2008. Mặc dù có những thời điểm chững lại do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, làn sóng FDI thứ ba được cho là đang tiếp tục dồn dập đổ tới Việt Nam⁽²⁾.

FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam cũng mang những nét đặc thù phát triển này do đây cũng là lĩnh vực thu hút chủ đạo nguồn vốn FDI từ ASEAN của Việt Nam.

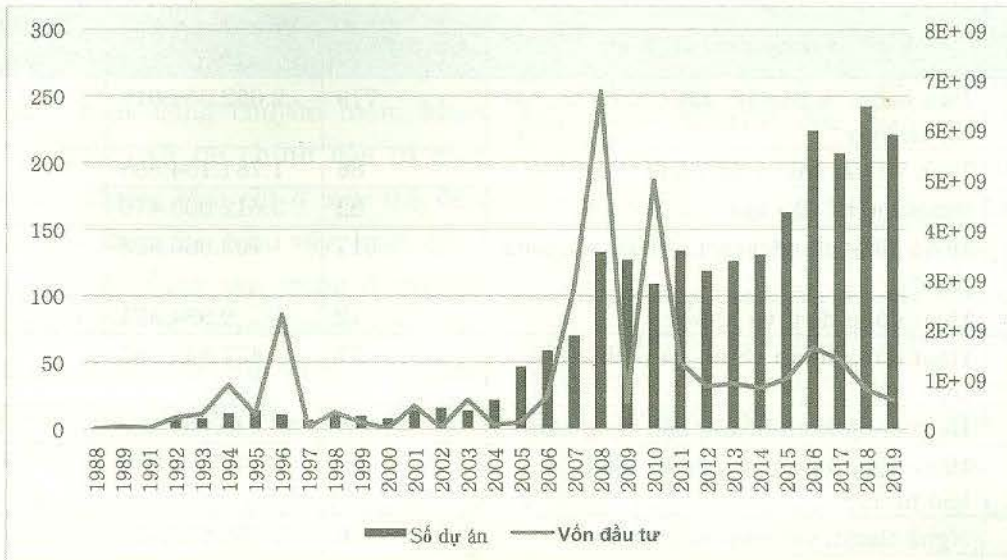
Thời kỳ đầu, quy mô các dự án còn khiêm tốn, tiến độ thực hiện chậm, chủ yếu mang tính chất thăm dò, tìm hiểu thị trường Việt Nam và tập trung vào một số

ngành hạn chế nhằm khai thác nguồn tài nguyên sẵn có và lao động giá rẻ của Việt Nam. Thời kỳ 1988-1996 được coi là thời kỳ tăng trưởng nhanh của FDI từ ASEAN vào Việt Nam nói chung và FDI vào ngành dịch vụ nói riêng nhờ các tác động từ nhiều sự kiện và hoạt động đáng chú ý như sự cải thiện trong quan hệ chính thức Việt Nam - ASEAN, chủ trương chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế thị trường, việc ban hành luật Đầu tư nước ngoài tháng 12/1987..., cùng với các yếu tố như quy mô thị trường, nguồn lao động giá rẻ và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú đã làm cho Việt Nam trở thành một điểm đầu tư mới nhưng đầy hứa hẹn.

Tuy nhiên, dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực châu Á năm 1997 đã làm cho dòng vốn FDI từ ASEAN vào Việt Nam giảm mạnh. Năm 1997 đánh dấu 10 năm thực hiện luật Đầu tư nước ngoài và cũng là năm đầu tiên thực hiện Luật sửa đổi bổ sung nhưng số lượng các dự án FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ vẫn sụt giảm mạnh và tình trạng suy giảm vẫn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm tiếp theo. Sau năm 2000, mặc dù kinh tế các nước ASEAN đã phục hồi sau khủng hoảng, FDI của ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam cũng đã có những dấu hiệu phục hồi tăng trở lại nhưng chưa mạnh. Thời kỳ phục hồi chậm chạp này kéo dài đến năm 2005, khi nguồn vốn FDI có sự tăng trưởng vượt bậc về cả dự án cũng như tổng vốn đầu tư. (Xem Biểu đồ 1)

Giai đoạn 2005 - 2010 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong dòng vốn FDI - có gián đoạn năm 2009 do khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đây là thời kỳ

**Biểu đồ 1: FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ Việt Nam
(lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019)**



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

ASEAN chuyển sang giai đoạn mới đánh dấu bằng việc ra đời của AEC với các hiệp định được ký kết như Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS), Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA). Giai đoạn này cũng đánh dấu việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2007 và việc cải cách trong các chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam, tạo nền móng cho dòng vốn FDI tăng nhanh. Từ năm 2011 đến nay, số lượng dự án FDI liên tục tăng, tuy nhiên hầu hết các dự án chỉ có vốn đầu tư vừa và nhỏ. Nói cách khác, số lượng các dự án FDI tăng vượt bậc so với các giai đoạn trước, nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các năm lại rất hạn chế. Ví dụ, năm 2008 có 133 dự án FDI đăng ký mới nhưng tổng vốn đầu tư của các dự án này lên đến hơn 6,7 tỷ USD. Trong khi đó, giai đoạn 2011-2019, hàng năm đều có khoảng 200 dự án đăng ký mới nhưng tổng vốn đầu tư hầu hết đều dưới 1 tỷ USD/năm. Năm 2018, có

242 dự án đăng ký mới nhưng tổng vốn đăng ký chỉ ở mức 788 triệu USD⁽³⁾.

Cho đến nay, mặc dù có sự sụt giảm nhẹ, đầu tư nội khối ASEAN trong ngành dịch vụ (25 tỉ USD) vẫn là nguồn vốn FDI lớn nhất của Việt Nam và đồng thời, Việt Nam cũng là nước nhận đầu tư lớn thứ 3 trong ASEAN (sau Singapore và Indonesia), chiếm đến 66% tổng lượng đầu tư vào các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam). Các nhà đầu tư châu Á, trong đó có các nhà đầu tư ASEAN, tiếp tục mang đến nguồn vốn đầu tư lớn nhất vào các nước CLMV. Bên cạnh sản xuất, bán buôn bán lẻ và kinh doanh bất động sản là những phân ngành thu hút được nhiều FDI từ ASEAN nhất của Việt Nam⁽⁴⁾.

2.2. Đầu tư của ASEAN tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo phân ngành

Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 09/2019, ASEAN có tổng số 3.865 dự án

Bảng 1: FDI của ASEAN vào Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo phân ngành (lưu kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/09/2019)

STT	Phân ngành dịch vụ	Số dự án	Vốn đăng ký (USD)	Tỷ trọng (%)
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	779	2.052.051.018	6,63
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	86	1.781.154.888	5,76
3	Giáo dục và đào tạo	82	3.612.003.476	11,67
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	517	703.666.626	2,27
5	Hoạt động dịch vụ khác	12	9.984.371	0,03
6	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	57	477.841.087	1,54
7	Hoạt động kinh doanh bất động sản	192	16.945.061.208	54,77
8	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	10	146.174.849	0,47
9	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	16	2.756.873.434	8,91
10	Thông tin và truyền thông	304	807.778.078	2,61
11	Vận tải kho bãi	195	975.360.089	3,15
12	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	32	670.845.268	2,17
	Tổng cộng	2.282	30.938.794.392	100

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

trong cả ba ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, với tổng vốn đầu tư là 75 tỷ USD. Trong đó, có 60% các dự án đầu tư trong ngành dịch vụ (2.282/3.865 dự án), chiếm 41% tổng vốn đầu tư (30.938/75.328 triệu USD).

Cụ thể, các dự án FDI từ ASEAN đầu tư vào 12 phân ngành dịch vụ tại Việt Nam. Trong đó, các phân ngành (1) *Bán buôn bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy*; (2) *Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ*; (3) *Thông tin và truyền thông* đứng đầu về số dự án đăng ký với lần lượt 779, 517 và 304 dự án. Tuy nhiên về vốn đăng ký, FDI trong những ngành này chỉ chiếm lần lượt 6,63%, 2,27% và 2,61% tổng vốn đăng ký, cho thấy các dự án FDI trong các phân ngành này đa số là các dự án vừa và

nhỏ. Trong khi đó, số lượng các dự án trong phân ngành *Kinh doanh bất động sản* chỉ chiếm 8,4% tổng số dự án (192/2.282 dự án) nhưng tỷ trọng trong vốn đăng ký lại chiếm 55%, cho thấy đây đều là các dự án cho giá trị lớn. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm của phân ngành khi đầu tư vào kinh doanh bất động sản thông thường đòi hỏi lượng vốn rất lớn. Phân ngành *Giáo dục và đào tạo*; *Nghệ thuật, vui chơi và giải trí* là những phân ngành tiếp theo chiếm tỷ trọng vốn đầu tư lớn với lần lượt 11,67% và 8,91%.

Mặc dù số lượng các phân ngành dịch vụ mà các quốc gia ASEAN đầu tư vào Việt Nam rất đa dạng, tuy nhiên ngoài *Hoạt động kinh doanh bất động sản*, *Giáo dục và đào tạo*, tỷ trọng vốn đầu tư của phân

ngành còn lại đều dưới 10%, chủ yếu ở mức 1% - 3%. Đặc biệt, kể cả những phân ngành ưu tiên hội nhập của ASEAN trong khuôn khổ AFAS như hoạt động y tế, e-ASEAN (hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ) và tài chính đều có mức đầu tư còn khiêm tốn, chỉ ở mức 0,5 đến 2% tổng vốn đăng ký. Như vậy, hoạt động đầu tư chỉ mới đang tập trung ở một số ngành rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của Việt Nam cũng như định hướng ưu tiên trong lĩnh vực dịch vụ của ASEAN. (Xem Bảng 1)

2.3. Đầu tư của ASEAN tại Việt

Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo hình thức đầu tư

Đa số các dự án FDI từ ASEAN vào lĩnh vực dịch vụ (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019) đều dưới hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài với 1.712/2.282 dự án, có 561 dự án liên doanh và chỉ có 9 dự án đầu tư dưới dạng hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các dự án trong giai đoạn đầu (những năm 1988 đến 1995) chủ yếu là các dự án liên doanh. Năm 1993, Việt Nam có dự án FDI 100% vốn đầu tiên trong lĩnh vực dịch vụ từ ASEAN trong lĩnh vực *Bán buôn bán lẻ*,

Bảng 2: FDI của ASEAN từ ASEAN vào Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo hình thức đầu tư (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019)

STT	Hình thức đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)
1	100% vốn nước ngoài	1712	18.767.171.120
2	Liên doanh	561	11.518.194.703
3	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	9	653.428.569
4	Tổng	2.282	30.938.794.392

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

Bảng 3: FDI của ASEAN từ ASEAN vào Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo đối tác đầu tư (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019)

Nước	Số dự án	Tỷ trọng	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Brunei Darussalam	25	1,09	23,62	0,08
Campuchia	16	0,70	15,15	0,05
Indonesia	59	2,58	191,13	0,62
Lào	7	0,30	20,05	0,065
Malaysia	307	13,45	5.598,14	18,09
Myanmar	1	0,04	0,80	0,0025
Philippines	47	2,06	14,64	0,05
Singapore	1.565	68,58	23.538,03	76,08
Thái Lan	255	11,17	1.537,18	4,96
Tổng số	2.282	100	30.938,79	100

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và Nghệ thuật, vui chơi, giải trí. Tuy nhiên số dự án dưới hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài tăng lên rất nhanh và đến khoảng những năm 2000, số dự án sử dụng phương thức đầu tư này đã cân bằng với các dự án liên doanh. Điều này cũng phù hợp với diễn biến đầu tư FDI tại Việt Nam.

Luật Đầu tư ra đời cuối năm 1987 đã mở đường cho thu hút FDI nói chung và FDI từ ASEAN vào Việt Nam nói riêng. Dòng vốn FDI vào Việt Nam thời gian này còn dè dặt, các dự án chủ yếu dưới hình thức liên doanh nhằm thăm dò thị trường. Đồng thời, Luật đầu tư nước ngoài 1987 cũng chỉ cho phép đầu tư 100% vốn nước ngoài trong một số phân ngành rất hạn chế. Các lần sửa đổi và ban hành Luật đầu tư tiếp theo đã mở rộng số phân ngành được cho phép đầu tư dưới hình thức 100% vốn nước ngoài, đồng thời các nhà đầu tư đã có kinh nghiệm cũng như niềm tin vào thị trường Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh hình thức liên doanh, số lượng các dự án đầu tư dưới hình thức 100% vốn nước ngoài cũng tăng lên nhanh chóng. (Xem Bảng 2)

2.4. Đầu tư của ASEAN tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo đối tác đầu tư

Trong lĩnh vực dịch vụ, Singapore vẫn là nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam trong khu vực ASEAN, chiếm đến hơn 68% số dự án và 76% tổng vốn đăng ký. Ngoài tiềm lực kinh tế với khả năng đầu tư lớn mạnh nhất khu vực, Singapore còn được coi là địa điểm phù hợp để thành lập công ty hoặc doanh nghiệp với một cộng đồng kinh doanh tiên tiến và thuận lợi, mức thuế hợp lý, nhiều ưu đãi đầu tư. Rất nhiều các

doanh nghiệp của các quốc gia khác đã thành lập công ty con tại Singapore để tận dụng các thuận lợi này. Do đó, trong số các nhà đầu tư có đăng ký ở Singapore đầu tư ở Việt Nam, rất nhiều doanh nghiệp thực chất có nguồn gốc từ quốc gia khác. Ngoài Singapore, Thái Lan và Malaysia cũng là những nhà đầu tư FDI lớn của Việt Nam trong ngành dịch vụ.

Các thành viên ASEAN còn lại có số dự án và vốn đầu tư vào ngành dịch vụ của Việt Nam ở mức rất hạn chế, gần như không đáng kể. Kể cả Indonesia và Philippines, mặc dù mỗi quốc gia đều có khoảng trên dưới 50 dự án trong khu vực dịch vụ, tuy nhiên hầu hết đây đều là những dự án có quy mô nhỏ, tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư đều chưa đến 0,1%. Tuy nhiên, ngoại trừ Brunei, có thể thấy mặc dù số lượng các dự án đầu tư vào ngành dịch vụ từ các thành viên ASEAN này còn hạn chế, nhưng nếu so với tổng số dự án và tổng vốn FDI vào Việt Nam thì số dự án trong lĩnh vực dịch vụ lại chiếm đại đa số. Điều này cho thấy rất nhiều nhà đầu tư có quan tâm đến ngành dịch vụ của Việt Nam, triển vọng thu hút FDI vào khu vực này là rất rộng mở. (Xem Bảng 3)

2.5. Đầu tư của ASEAN tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ theo địa phương

Trong ngành dịch vụ, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai địa phương đứng đầu cả nước về thu hút FDI từ ASEAN. Chỉ riêng hai thành phố này đã chiếm đến 86% số các dự án vào ngành dịch vụ, chiếm 34% tổng vốn đầu tư. Do đây là các thành phố lớn, những dự án đầu tư vào 2 địa phương này rất đa dạng về phân ngành cũng như

Bảng 4: 10 địa phương có lượng vốn FDI của ASEAN lớn nhất trong lĩnh vực dịch vụ (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019)

STT	Tỉnh	Số dự án	Vốn đăng ký (Triệu USD)
1	TP. Hồ Chí Minh	1512	10647,37
2	Hà Nội	455	5557,93
3	Quảng Nam	3	4000,45
4	Đồng Nai	22	2553,95
5	Thừa Thiên Huế	4	2007,20
6	Bình Dương	62	1371,91
7	Hải Phòng	37	920,30
8	Quảng Ninh	6	722,19
9	Bà Rịa - Vũng Tàu	33	617,59
10	Đà Nẵng	40	583,21

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

quy mô. Các dự án FDI trong ngành dịch vụ tại các thành phố và các tỉnh thành phát triển khác như Đồng Nai, Bình Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng cũng có cùng đặc điểm này. FDI chảy vào những thành phố lớn cũng là xu thế tất yếu do hầu hết các hoạt động dịch vụ tập trung ở những vùng có dân cư đông đúc và kinh tế phát triển với nhu cầu lớn và đa dạng về các dịch vụ sản xuất, tiêu dùng, công cộng. Trong khi đó, một số địa phương có thể mạnh về du lịch như Quảng Nam hay Thừa Thiên Huế, mặc dù số dự án rất nhỏ nhưng tổng vốn đăng ký lại lớn do các dự án này chủ yếu đầu tư vào các phân ngành bất động sản, dịch vụ lưu trú ăn uống và vui chơi giải trí - do đây đều là những phân ngành đòi hỏi vốn đầu tư lớn. (Xem Bảng 4)

3. Đánh giá về dòng vốn FDI của ASEAN vào Việt Nam trong ngành dịch vụ

Đầu tư trực tiếp nước ngoài của ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam đã đạt

được nhiều bước phát triển quan trọng với những đặc điểm nổi bật như sau:

Quy mô trung bình của các dự án không ổn định và đang có xu hướng giảm. Một số năm như 1996, 1998, 2003, 2007, 2008 và 2010, quy mô trung bình của các dự án lớn đột biến, ở mức trung bình 20 - 50 triệu USD. Nhiều năm quy mô trung bình các dự án chỉ ở mức 1 triệu USD. Những năm gần đây, trung bình quy mô các dự án ở mức 6 - 7 triệu USD tuy nhiên lại đang có xu hướng giảm. Quy mô trung bình các dự án năm 2018 chỉ ở mức 3,2 triệu USD, trong 9 tháng đầu năm 2019 chỉ ở mức 2,6 triệu USD. Quy mô các dự án FDI từ ASEAN vào Việt Nam trong ngành dịch vụ ở mức thấp hơn rất nhiều so với FDI từ ASEAN nói chung, đồng thời thấp hơn mức vốn đăng ký bình quân của tổng thể các dự án FDI vào Việt Nam. Quy mô vốn đăng ký bình quân của dự án FDI từ 5,9 triệu USD của năm 2018 giảm xuống còn 4,3 triệu USD trong năm 2019⁽⁵⁾. Số dự án có vốn đăng ký trên 50 triệu USD cũng chưa

nhiều, chiếm chưa đến 10% với chỉ 216/2.282 dự án⁽⁶⁾.

Cơ cấu FDI của ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam rất đa dạng về số lượng phân ngành có dự án đầu tư. Tuy nhiên, xét theo số lượng các dự án, có đến 7/12 phân ngành dịch vụ chỉ có dưới 100 dự án đầu tư, thậm chí có những phân ngành chỉ có 10 dự án (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019). Mặt khác, xét theo tổng vốn đầu tư, cơ cấu FDI cũng có sự chênh lệch rõ nét. Phân ngành *Kinh doanh bất động sản* chiếm đến hơn một nửa tổng vốn đầu tư; phân ngành *Giáo dục và đào tạo* cũng là một phân ngành chiếm tỷ trọng vốn đầu tư lớn với 11,67% tổng vốn. Tuy nhiên, 10/12 phân ngành còn lại đều có tổng vốn đầu tư dưới 100%, chủ yếu ở mức 1%-3%. Vì vậy, mặc dù số lượng phân ngành dịch vụ có FDI từ ASEAN có vẻ đa dạng nhưng trên thực tế lại không đồng đều, chỉ mới tập trung vào 2-3 phân ngành cụ thể, trong khi đầu tư

vào các phân ngành còn lại chưa đáng kể. Nguyên nhân là do mức độ hấp dẫn của các phân ngành dịch vụ này đối với các nhà đầu tư là khác nhau. Ngành bất động sản của Việt Nam được cho là khá hấp dẫn do có lợi tức cho thuê và tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư cao hơn các nước trong khu vực. Các dự án bất động sản Việt Nam thu hút FDI từ các nhà đầu tư ASEAN đặc biệt vào các phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng, bất động sản du lịch và văn phòng cho thuê do dự báo nhu cầu thuê bất động sản tại Việt Nam sẽ lên cao⁽⁷⁾. Tương tự như vậy, ngành bán lẻ cũng là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng liên tục và ấn tượng trong nhiều năm qua ở Việt Nam, vì thế đây cũng là một ngành dịch vụ nhiều tiềm năng phát triển, hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư ASEAN. Đây đều là những ngành dịch vụ truyền thống nhằm khai thác quy mô thị trường của Việt Nam và thông thường quy mô dự án cũng đòi hỏi

Bảng 5: Số dự án FDI đăng ký mới từ ASEAN trong một số phân ngành dịch vụ 2015 - 2019 (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 9/2019)

	2015	2016	2017	2018	2019 ⁺
Bán buôn bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	65	96	95	90	81
Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ	24	43	45	50	53
Thông tin và truyền thông	25	37	27	39	33
Vận tải kho bãi	22	9	13	19	11
Kinh doanh bất động sản	10	14	12	18	22
Tổng số dự án đăng ký mới	163	224	207	242	221

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019)

(*): tính đến tháng 9/2019

vốn đầu tư lớn. Trong khi đó, nhiều phân ngành khác như tài chính, ngân hàng bảo hiểm, hoạt động khoa học công nghệ, thông tin truyền thông là những phân ngành hiện đại, đòi hỏi đầu tư công nghệ cao. Ngoài Singapore, Thái Lan và Malaysia, các nước khác trong ASEAN cũng chưa đủ trình độ phát triển để đầu tư FDI trong những phân ngành này. Đồng thời, đây cũng là nhóm phân ngành mà các quốc gia ASEAN đang cạnh tranh gay gắt để thu hút FDI ngoại khối. Do đó, tỷ trọng FDI từ ASEAN trong những phân ngành này vẫn còn rất hạn chế.

Tuy nhiên, những năm gần đây, sau khi ASEAN hoàn thành ký kết 9 gói AFAS cơ cấu FDI trong các phân ngành có sự thay đổi. Các dự án bất động sản đăng ký mới có xu hướng chững lại, chỉ còn ở mức dưới 20 dự án/năm. Trong khi đó, số lượng các dự án bán buôn bán lẻ luôn ở mức cao, chiếm đến gần một nửa tổng số đăng ký mới. Đây chủ yếu là các dự án dịch vụ phân phối bán buôn bán lẻ và xuất nhập khẩu. Ngoài ra, một xu hướng nổi bật là sự tăng lên của các dự án hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ - chủ yếu là các dịch vụ tư vấn, quản lý, hỗ trợ, nghiên cứu thị trường. Hoạt động thông tin và truyền thông với chủ yếu các dự án phát triển phần mềm cũng tăng hơn rõ rệt so với các giai đoạn trước, với 30 - 40 dự án một năm. Với xu hướng này, cơ cấu các dự án FDI theo phân ngành được dự báo sẽ cân bằng hơn trong tương lai. (Xem Bảng 5)

Phương thức đầu tư của các dự án FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam chủ yếu tập trung vào một số loại hình nhất định. Hình thức “100% vốn đầu tư nước

ngoài” đã nhanh chóng thay thế “liên doanh” để trở thành phương thức phổ biến nhất của các nhà đầu tư ASEAN. Việc các dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm đa số thể hiện cam kết dài hạn và nghiêm túc của các nhà đầu tư với các dự án tại Việt Nam, tuy nhiên mức độ chuyển giao công nghệ cho nước tiếp nhận đầu tư lại hạn chế.

Về đối tác đầu tư, các dự án FDI từ ASEAN trong ngành dịch vụ của Việt Nam chủ yếu đến từ các đối tác truyền thống, bao gồm Singapore, Thái Lan và Malaysia - trong đó các doanh nghiệp Singapore chiếm đến 2/3 tổng số dự án và 3/4 tổng vốn đầu tư. Các nước còn lại đã có dự án FDI nhưng còn ở mức rất hạn chế cả về số lượng lẫn vốn đầu tư. Các dự án của ASEAN có mặt ở nhiều phân ngành tùy theo tiềm năng của các nhà đầu tư từng nước. Các dự án chủ yếu tập trung vào những phân ngành đầu tư bất động sản, du lịch, giải trí, bán lẻ... Ngoài Singapore, hầu hết các nước ASEAN vẫn còn nhiều hạn chế về vốn và công nghệ, do đó việc cạnh tranh với các đối tác FDI có trình độ phát triển cao hơn như Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước châu Âu còn nhiều khó khăn. Vì thế, các đối tác ASEAN khó có thể đầu tư các dự án quy mô lớn và chưa đầu tư nhiều ở những phân ngành dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao vào Việt Nam. Nói cách khác, quy mô trung bình của các dự án FDI trong lĩnh vực dịch vụ Việt Nam còn nhỏ, các lĩnh vực đầu tư chưa phong phú. Các dự án FDI với lượng vốn lớn và công nghệ tiên tiến từ Mỹ, châu Âu và nhiều nước châu Á khác ngoài ASEAN đã chảy mạnh vào ngành dịch vụ của Việt Nam, ít nhiều làm giảm dòng FDI từ ASEAN.

Xét theo cơ cấu vùng và địa phương, cũng như FDI của ASEAN nói chung vào Việt Nam, các dự án FDI trong lĩnh vực dịch vụ tập trung vào những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Quảng Ninh, Hải Phòng... và các vùng du lịch như Quảng Nam, Thừa Thiên Huế. Do các dự án FDI trong ngành dịch vụ của ASEAN chủ yếu là các dự án bất động sản, du lịch, nghệ thuật, vui chơi giải trí và phân phối bán lẻ nên việc hướng tới các vùng kinh tế trọng điểm, dân số đông, kinh tế phát triển, điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và phát triển và các vùng du lịch là tất yếu nhằm tận dụng đặc thù lợi thế của các vùng miền khác nhau.

4. Một số định hướng thu hút FDI vào ngành dịch vụ Việt Nam

Dựa trên đặc điểm của dòng vốn FDI từ ASEAN vào ngành dịch vụ của Việt Nam, có thể đề xuất một số định hướng thu hút nguồn vốn FDI này như sau:

Về môi trường chính trị: Việc tiếp tục giữ vững ổn định chính trị xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô là vô cùng quan trọng, do đây là một trong những yếu tố chủ chốt thu hút nguồn vốn FDI vào Việt Nam.

Về hoàn thiện cơ chế chính sách: Cần có các cơ chế ưu đãi riêng đối với các nhà đầu tư ASEAN do đây là nhóm đối tác không chỉ có triển vọng đầu tư lớn mà còn có các cam kết hợp tác mạnh mẽ về kinh tế, chính trị và xã hội.

Cần hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến đầu tư, trong đó có thực hiện chủ trương hợp tác đầu tư nước ngoài có ưu tiên, chọn lọc gắn với mục tiêu nâng tầm trình

độ kinh tế; không cho phép các dự án lạc hậu, không khả thi, các dự án quá nhỏ có giá trị thấp, các dự án tác động xấu đến môi trường được triển khai. Nói cách khác, tiêu chí thu hút và lựa chọn những dự án FDI cần phải được thay đổi theo hướng tích cực, chặt chẽ, tiến bộ hơn. Ví dụ ưu tiên các dự án FDI có vốn đầu tư lớn; các dự án nhỏ mang lại giá trị thấp cần được thay thế bằng các dự án nội địa nhằm giảm bớt cạnh tranh cũng như tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước.

Cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền để nâng cao nhận thức và đồng thuận xã hội đối với mục tiêu xây dựng AEC. Tận dụng các kênh thông tin để chuyển tải tới xã hội và đặc biệt các doanh nghiệp những nội dung cam kết nhằm giúp mọi đối tượng hiểu rõ bản chất của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng những cơ hội từ việc mở cửa thị trường khu vực.

Về ngành nghề, lĩnh vực: Trong ngắn hạn vẫn tiếp tục thu hút FDI vào những phân ngành mà Việt Nam có lợi thế nhưng cần dần chuyển hướng ưu tiên thu hút đa dạng FDI vào các phân ngành khác - các phân ngành thân thiện với môi trường, dịch vụ chất lượng cao như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng công nghiệp 4.0. Thay vì thụ động, mở cửa trên các lĩnh vực và đợi nhà đầu tư vào, Việt Nam cần xúc tiến chủ động, có mục tiêu, hướng tới thu hút những nhà đầu tư, những dự án mà Việt Nam muốn.

Về yếu tố thu hút FDI: Trong chiến lược thu hút FDI ngành dịch vụ thế hệ mới, cần

thay đổi theo hướng lao động trình độ cao, công nghệ cao, có vị trí thuận lợi trong khuôn khổ các FTA ASEAN. Để có thể thu hút FDI chất lượng hơn, một trong những giải pháp là cần chuyển từ ưu đãi bằng các yếu tố truyền thống (như thuế, tài chính) sang các giá trị gia tăng trong tương lai. Thay vì ưu đãi trên diện rộng nhằm thu hút nhà đầu tư hoặc thu hút dựa vào lợi thế chi phí trong ngắn hạn, công cụ tiếp thị chính cần có chiến lược hướng tới từng lĩnh vực cụ thể để thu hút đầu tư và phải dựa vào lợi thế cạnh tranh trong dài hạn, ưu đãi theo năng lực, căn cứ vào khả năng tạo ra giá trị gia tăng trong nước.

Về đối tác: Cần tiếp tục thực hiện đa dạng hoá thu hút FDI từ các thị trường và các đối tác tiềm năng khác trong khu vực thông qua khai thác hiệu quả mối quan hệ với các đối tác chiến lược, tận dụng lợi thế trong thị trường ASEAN và các cơ hội do các hiệp định tự do tạo ra để thu hút FDI, thu hút chủ động dựa lên lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia.

Về nguồn nhân lực: Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo, đặc biệt các trường đại học để tạo nguồn lao động phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp, đổi mới nội dung theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới. Chú trọng các ngành nghề được ưu tiên trong ASEAN nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực sẵn sàng tham gia vào hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài.

Về phía doanh nghiệp: Vai trò của các nhà đầu tư ASEAN cần được các doanh nghiệp nhìn nhận lại khi đây là nhóm đối tác đầu tư lớn nhất của Việt Nam. Cần tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá hình

ảnh của doanh nghiệp Việt Nam, tích cực chủ động các chương trình, dự án tăng cường kết nối ASEAN, từ đó nâng cao khả năng thu hút hợp tác, liên kết kinh doanh từ các doanh nghiệp trong khối ASEAN. Doanh nghiệp trong nước cũng cần nâng cao năng lực cạnh tranh để tiếp nhận dòng vốn FDI, đồng thời tạo sự gắn kết để học hỏi, tận dụng cơ hội từ các nước trong khu vực./

CHÚ THÍCH

1. Số liệu của Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019).
2. Cục Đầu tư nước ngoài (2015), “Tình hình thu hút FDI từ các nước ASEAN trước bối cảnh Việt Nam gia nhập AEC 2015”, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/3761/Tinh-hinh-thu-hut-FDI-tu-cac-nuoc-ASEAN-truoc-boi-can-h-Viet-Nam-gia-nhap-AEC-2015>, truy cập ngày 04/03/2020.
3. Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), tldd.
4. Báo cáo Đầu tư ASEAN (2019), “FDI in service: Focus on Health care”, <https://unctad.org/en/pages/PublicationWebflyer.aspx?publicationid=2568>, truy cập ngày 21/03/2020.
5. Lê Hùng (2019), “FDI 2019: Số lượng dự án tăng, nhưng quy mô giảm”, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, <https://www.thesaigontimes.vn/298674/fdi-2019-so-luong-du-an-tang-nhung-quy-mo-giam.html>, truy cập ngày 03/04/2020.
6. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), tldd.
7. Ban chỉ đạo thông tin tuyên truyền ASEAN (2016), “Đón đợi AEC, nhà đầu tư ASEAN đổ vốn vào bất động sản Việt Nam”, <http://trucotkt.asean.vietnam.vn/Default.aspx?Page=NewsDetail&NewsId=48903>, truy cập ngày 02/03/2020.